

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 22

GIẢI THÍCH TÁM NIỆM

Phần 2

Niệm pháp: Đúng như Phật điển nói: hành giả nên niệm pháp – Pháp ấy khéo nói, được kết quả ngay trong hiện tại, không nhiệt não, không chờ thời, có thể đi đến thiện sử, thông đạt không ngăn ngại.

Khéo nói: Vì hai đế không trái nhau, đó là thế đế và đệ nhất nghĩa đế, người trí không thể phá hoại, người ngu không khởi tranh cãi. Pháp ấy cũng xa lìa hai bên, là hoặc thọ năm dục lạc hoặc thọ khổ hạnh; lại xa lìa hai bên là hoặc thường hoặc đoạn, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc có hoặc không, không vướng vào hai bên như vậy, ấy gọi là khéo nói. Các ngoại đạo tự quý pháp mình, chê bai pháp người khác, nên không thể khéo nói.

Được kết quả ngay trong hiện tại: Xa lìa các nỗi khổ thế gian do ái làm nhân duyên phát sanh, và xa lìa các nghị luận đấu tránh do tà kiến làm nhân duyên phát sanh, nên thân tâm được an lạc, như Phật dạy:

*Người trì giới an vui,
Thân tâm không nhiệt não,
Ngủ yên thức cũng yên,
Tiếng tăm truyền nghe xa.*

Lại nữa, trong Phật Pháp nói nhân duyên triển chuyển sanh quả. Nghĩa là giữ giới thanh tịnh nên tâm không hối hận, tâm không hối hận nên sanh hoan hỷ, hoan hỷ nên thân tâm an lạc, thân tâm an lạc nên được nhiếp tâm, nhiếp tâm nên biết đúng như thật, biết đúng như thật, nên được nhàm chán, được nhàm chán nên lìa dục, lìa dục nên được giải thoát, được quả báo giải thoát nên được Niết-bàn, ấy gọi là được kết quả ngay trong hiện tại. Theo pháp của ngoại đạo chỉ khổ hạnh suông, không

được gì, như A-la-hán Diêm-phù khi đắc đạo tự nói:

*Ta xưa làm ngoại đạo,
Suốt năm mươi lăm năm,
Chỉ ăn phân bò khô,
Trần truồng nằm trên gai.*

Ta chịu cay đắng như vậy mà rốt cuộc không được gì, chẳng như ngày nay thấy Phật nghe pháp, xuất gia ba tháng mà việc cần làm đã làm xong, chứng được A-la-hán. Do vậy nên biết theo Phật pháp được có kết quả ngay trong hiện tại.

Hỏi: Nếu theo Phật pháp được kết quả ngay trong hiện tại, cơ sao các đệ tử Phật có người không được gì?

Đáp: Hành giả có thể thứ lớp tu hành đúng như lời Phật dạy, không ai không được quả báo; cũng như người bệnh theo lời dạy của lương y, theo pháp điều hòa chữa trị, không bệnh gì không lành. Nếu không theo lời Phật dạy, không thứ lớp tu hành, phá giới, loạn tâm nên không được gì, chứ chẳng phải pháp không hay.

Lại nữa, các người chưa đắc đạo, đời này tuy không được Niết-bàn, đời sau được thọ phước báo, lần lượt sẽ được Niết-bàn, trọn không hư dối, như Phật từng dạy, ai vì cầu Niết-bàn mà xuất gia thì hoặc chậm hoặc mau, đều sẽ chứng được Niết-bàn. Như vậy, là có thể được kết quả ngay trong hiện tại.

Không nhiệt não: Nhiệt não có hai là thân não và tâm não. Thân não là bị trói buộc lao tù, tra khảo hình phạt... Tâm não là do dâm dục, sân nhuế, xan tham, tật đố mà ưu sầu, sợ hãi... Trong Phật pháp đây, do trì giới thanh tịnh nên thân không bị các ưu não trói buộc lao tù, hình phạt... Do tâm lìa năm dục, trừ năm triền cái, được thật đạo nên tâm không bị ưu não về dâm dục, sân nhuế, xan tham, tật đố, tà nghi... Không não nên không nóng bức.

Lại nữa, do thiên định vô lậu phát sanh hỷ lạc, khắp thân lãnh thọ, nên nhiệt não được trừ, ví như người quá bị nóng bức buồn bức, được vào trong ao nước, trong trẻo lạnh mát, không còn nhiệt não.

Lại nữa, các phiền não hoặc thuộc kiến, hoặc thuộc ái, ấy gọi là nhiệt. Ở trong Phật pháp không có thứ đó, nên gọi là không nhiệt não.

Không chờ thời: Phật pháp không chờ thời mới tu hành, không chờ thời mới được kết quả. Còn pháp ngoại đạo, khi mặt trời chưa mọc thọ pháp, khi mặt trời mọc không thọ pháp, hoặc khi mặt trời mọc thọ, khi mặt trời chưa mọc không thọ, hoặc ngày thọ đêm không thọ, hoặc đêm thọ ngày không thọ. Trong Phật pháp không có việc thọ phải chờ thời,

mà tùy khi nào tu tập Tám chánh đạo, liền được Niết-bàn; ví như lửa được củi liền cháy, khi trí tuệ vô lậu phát sanh liền có thể đốt cháy các phiền não, không chờ thời.

Hỏi: Như trong Luật Phật dạy: Có thuốc phải thời, y phải thời, ăn phải thời. Nếu người thiện căn chưa thuần thực, chờ thời mới được, vì sao nói không có thời?

Đáp: Thời đây là theo pháp thế tục, vì muốn cho Phật pháp trụ lâu nên kết giới phải thời. Còn nếu vì tu đạo để được Niết-bàn và các pháp thiền định, trí tuệ vi diệu thì không chờ thời. Pháp của các ngoại đạo đều chờ thời tiết, còn Phật pháp thì chỉ chờ nhân duyên đầy đủ. Nếu trì giới, thiền định mà trí tuệ chưa thành tựu thì cũng không thể thành đạo; nếu trì giới, thiền định, trí tuệ đều thành tựu liền đắc quả, không còn chờ thời.

Lại nữa, lâu lâu mới đắc quả mới gọi là thời, còn đắc quả tức thời thì không gọi là thời, ví như người nhuộm giới, một lần bỏ đồ vào nhuộm liền thành, người tâm thanh tịnh cũng như thế, nghe pháp liền thâm nhiễm, được pháp nhãn thanh tịnh, ấy gọi là không chờ thời.

Được đến thiện xứ: Ba mươi bảy đạo pháp vô lậu, hay đưa người đến Niết-bàn, ví như vào sông Hằng, thì chắc chắn đến biển cả, pháp của các ngoại đạo chẳng phải người Nhất thiết trí nói, vì là pháp tà kiến, đưa đến chỗ ác, hoặc được đến trên trời, vẫn trở lại sa đọa chịu khổ; vì đều vô thường, nên không gọi là thiện xứ.

Hỏi: Không có người đưa đi, làm sao được đưa đến Niết-bàn?

Đáp: Tuy không có người đưa đi, chỉ các pháp có thể đưa các pháp đi, khi năm uẩn vô lậu thiện dứt rồi (Vô dư Niết-bàn) thì chúng sanh cũng được gọi từ năm uẩn đưa đi vào Niết-bàn. Cũng như gió thổi bụi bay đi, nước trôi cỏ, tuy không người đưa đi, mà vẫn có thể có đi.

Lại nữa, nhân duyên hòa hợp không có người làm cũng không có người đưa đi, mà quả báo tùy thuộc nhân duyên không được tự tại, ấy tức gọi là đi.

Thông đạt không ngăn ngại: Được Phật pháp ấn nên thông đạt không ngăn ngại, như được ấn của vua thời không bị nạn ngăn giữ.

Hỏi: Những gì là Phật pháp ấn?

Đáp: Phật pháp ấn có ba:

1. Hết thấy pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, đều vô thường.
2. Hết thấy pháp vô ngã.
3. Tịch diệt Niết-bàn.

Hành giả biết ba cõi đều là pháp hữu vi tạo tác sanh diệt, trước có nay không, nay có sau không, niệm niệm sanh diệt, tương tục tương tợ

sanh ra, có thể thấy biết được. Như dòng nước, ngọn đèn, luồng gió dài, vì tướng tự tướng tục nên người ta cho là một, chúng sanh đối với pháp vô thường, vì điên đảo chấp thường, nên cho đi là thường trú; ấy gọi là hết thấy pháp hữu vi vô thường ấn.

Hết thấy vô ngã là, các pháp bên trong vô chủ, không người làm, không người biết, người thấy, người sanh, không người tạo tác, các pháp đều thuộc nhân duyên, thuộc nhân duyên nên không tự tại, không tự tại nên không ta, vì tướng ta không thể có được. Như trong phẩm Phá ngã nói rõ, ấy gọi là vô ngã ấn.

Hỏi: Cớ sao chỉ có pháp tạo tác là vô thường và hết thấy pháp là vô ngã?

Đáp: Pháp không tạo tác thì không nhân không duyên nên không sanh không diệt, không sanh không diệt nên không gọi là vô thường.

Lại nữa, đối với pháp không tạo tác, không sanh tâm điên đảo chấp trước, do vậy không nói nó vô thường, chỉ có thể nói nó là vô ngã. Có người nói thần ngã là tướng biết, thường hằng biến khắp, do vậy nên nói hết thấy pháp vô ngã ấn.

Tịch diệt tức là Niết-bàn. Lửa ba độc, ba suy (già, bệnh, chết – N.D) bị diệt tắt nên gọi là tịch diệt ấn.

Hỏi: Sao trong tịch diệt ấn chỉ có một pháp chứ không nói nhiều pháp?

Đáp: Trong ấn đầu nói về năm uẩn vô thường, trong ấn hai nói hết thấy pháp đều vô ngã, trong ấn thứ ba nói về quả của hai ấn trên, ấy gọi là tịch diệt ấn. Nói hết thấy pháp tạo tác là vô thường, thì phá ngã sở năm dục bên ngoài, nếu nói vô ngã thì phá ngã pháp bên trong, ngã và ngã sở đều phá, ấy gọi là tịch diệt Niết-bàn.

Hành giả quán pháp tạo tác vô thường, liền sanh tâm nhằm chán sự khổ ở đời. Đã biết chán khổ nhưng lại ưa đắm chủ thể quán, cho có một chủ thể quán vô thường, nên lại có pháp vô ngã ấn thứ hai, biết hết thấy vô ngã, đối với năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, trong ngoài phân biệt tìm kiếm chủ thể quán không thể có được, vì không thể có được nên hết thấy pháp vô ngã. Biết được như vậy, không khởi lên hý luận, không nương tựa vào đâu, chỉ quy về tịch diệt, thế nên nói là tịch diệt Niết-bàn ấn.

Hỏi: Trong Đại thừa nói các pháp không sanh không diệt, chỉ nhất tướng tức là vô tướng, sao trong đây nói hết thấy pháp hữu vi tạo tác vô thường gọi là pháp ấn? Làm sao hai pháp ấy không trái nhau?

Đáp: Quán vô thường tức là nhân duyên để quán không, như quán

sắc niệm niệm vô thường tức biết sắc là không, sắc quá khứ đã diệt hoại không thể thấy nên không tướng sắc; sắc vị lai không sanh, không tác không dụng, không thể thấy nên không tướng sắc; sắc hiện tại cũng không ngưng trụ, không thể thấy không thể phân biệt biết, nên không tướng sắc. Không tướng sắc tức là không, không tức là không sanh không diệt, không sanh không diệt với sanh diệt, nó thật là một, mà khi nói rộng khi nói lược.

Hỏi: Sắc quá khứ vị lai vì không thể thấy nên không tướng sắc, còn sắc hiện tại khi trụ lại có thể thấy sao nói không tướng sắc?

Đáp: Sắc hiện tại cũng không có lúc trụ lại, như đã nói trong đoạn nói về Bốn niệm xứ. Nếu pháp lúc sau thấy có tướng hư hoại, nên biết tướng hư hoại đó có từ khi mới sanh, vì theo đuổi vi tế nên không biết, như người mang dép, nếu ngày đầu mới mang mà không cũ, thì về sau lẽ đáng mới mãi, chứ không thể cũ. Nếu không cũ, thì lẽ đáng là thường, thường thì không tội không phước, không tội không phước thì pháp đạo và tục rối loạn.

Lại nữa, tướng sanh diệt thường đi theo pháp tạo tác, không có lúc nào trụ lại, nếu có lúc trụ lại thì không sanh diệt. Do vậy, nên sắc hiện tại không có trụ lại. Trong trụ cũng có sanh diệt, nên trong một niệm trụ cũng là pháp hữu vi; ấy gọi là thông đạt vô ngại, như vậy nên niệm pháp.

Lại nữa, Pháp có hai thứ:

1. Ba tạng, mười hai bộ, tám mươi bốn ngàn pháp tụ mà Phật diễn nói.
2. Nghĩa của Pháp mà Phật nói, đó là trì giới, thiền định, trí tuệ, Tám chánh đạo và quả giải thoát Niết-bàn...

Hành giả trước nên tưởng niệm Pháp giáo của Phật đã diễn nói, tiếp nên tưởng niệm Pháp nghĩa.

Niệm Pháp giáo Phật đã diễn nói: Lời Phật đều chân thật, mỹ diệu, có lợi ích lớn. Phật diễn nói cũng có sâu có cạn, quán thật tướng nên sâu, khéo nói nên cạn, tuy nói lập lại mà không có lỗi, vì mỗi mỗi đều có nghĩa.

Phật diễn nói trụ ở bốn chỗ, có bốn thứ công đức trang nghiêm:

1. Chỗ tuệ.
2. Chỗ đế.
3. Chỗ xả.
4. Chỗ diệt.

Có bốn cách đáp, nên không thể phá hoại:

1. Đáp một cách quyết định.
2. Đáp có giải thích.
3. Đáp bằng cách hỏi lại.
4. Đáp bằng cách bỏ qua.

Phật diễn nói hoặc có khi cho phép mà ngăn, hoặc có khi ngăn mà cho phép, hoặc cho phép mà chẳng ngăn, hoặc ngăn mà chẳng cho phép, bốn điều ấy thuận nhau không trái.

Phật nói được thật tướng các pháp nên không hý luận.

Nói có nghĩa có lý nên phá các thứ luận hữu luận vô. Phật diễn nói tùy thuận đệ nhất nghĩa, nên tuy nói pháp thế gian, cũng không có lỗi, vì cùng với hai đế không trái nhau, vì tùy thuận lợi ích, với người thanh tịnh thì nói lời mỹ diệu, với người không thanh tịnh thì nói lời gay gắt, dù nói mỹ diệu hay nói lời gay gắt đều không có tội lỗi.

Lời Phật nói đều tùy thuận thiện pháp, cũng không đả trước thiện pháp. Tuy là oan gia, pháp cấu uế cũng không lấy làm tự cao, tuy có các lời quở trách cũng không có tội quở trách, tuy đủ lời tán thán pháp, cũng không nương tựa cái gì, trong lời Phật nói cũng không thêm không bớt, hoặc nói lược hoặc nói rộng. Lời Phật nói lúc đầu thiện, lâu dài cứu tìm về sau cũng thiện. Lời Phật nói tuy nhiều mà nghĩa vị không nhạt mỏng, tuy nói các lời tạp ngữ mà nghĩa cũng không tạp loạn. Tuy dẫn dắt lòng người, cũng không khiến người sanh tâm ưa đắm. Tuy hiển bày điều cao siêu kỳ dị cũng không làm cho người sợ hãi. Tuy có chỗ đạt đến biển khắp mà kẻ phàm phu tiểu nhân không thể biết. Lời Phật như vậy, có các sự hy hữu, hay làm cho người dựng đứng lông tóc, toát mồ hôi, khí đầy, thân thể run sợ. Cũng hay khiến chư thiên sanh tâm nhàm chán dục lạc, âm thanh khắp mười phương, cõi đất chấn động sáu cách. Cũng làm cho người xả bỏ sự đả trước kiên cố từ đời vô thủy, kẻ không đả trước kiên cố thì có thể được vui.

Lời Phật dạy người tội ác nghe, vì tự có tội nên lo sợ bức não, người khéo nhất tâm tinh tấn nhập đạo nghe thì như uống vị cam lồ. Đoạn đầu cũng tốt, đoạn giữa cũng tốt, đoạn sau cũng tốt.

Lại nữa, trong nhiều hội chúng mỗi mỗi đều muốn nghe, Phật dùng một lời đáp, mỗi mỗi đều được hiểu, mỗi mỗi tự nghĩ Phật nói riêng cho mình, giữa đại chúng tuy có ở xa gần khác nhau mà nghe âm thanh không có thêm bớt, khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới cho đến mười phương vô lượng thế giới, người đáng được độ thì nghe được, người không đáng được độ thì không nghe được, ví như sấm sét dậy đất mà người điếc thì không nghe, còn người nghe thì được ngộ. Như vậy là tướng niệm các

lời dạy của Phật.

Những gì là Pháp nghĩa? Tín, giới, xả, nghe, định, tuệ... là các thiện pháp về đạo và ba pháp ấn như trong đoạn Thông đạt vô ngại nói: Hết thấy pháp hữu vi vô thường, hết thấy pháp vô ngã, tịch diệt Niết-bàn, ấy gọi là nghĩa của Phật pháp. Ba pháp ấn ấy, hết thấy luận nghị sư không thể phá hoại, tuy có nói nhiều điều, cũng không thể làm biến chuyển các pháp tánh, như tướng lạnh không thể chuyển làm tướng nóng, các pháp tánh không thể phá hoại, giả sử người ta có thể làm thương tổn hư không mà các pháp ấn này đúng như pháp không thể phá hoại. Thánh nhân biết ba thứ pháp tướng ấy, lia khỏi hết thấy chỗ đấu tranh nung tựa theo tà kiến. Thí như người có mắt thấy các người mù cãi nhau về màu sắc chỉ thương mà cưỡi, chứ không cùng tranh cãi.

Hỏi: Phật dạy trong pháp Thanh văn có bốn sự thật, trong pháp Đại thừa có một sự thật, vì sao nay nói ba sự thật?

Đáp: Phật dạy ba thật pháp ấn, nếu nói rộng thì có bốn, nói lược thì là một. Nói vô thường tức là khổ đế, tập đế, đạo đế. Nói vô ngã thì là chung hết thấy pháp. Nói tịch diệt Niết-bàn tức là diệt đế.

Lại nữa, pháp hữu vi vô thường, vì niệm niệm sanh diệt, đều thuộc nhân duyên, không tự tại, không tự tại nên vô ngã. Vì vô thường vô ngã nên là vô tướng, nên tâm không đắm trước, vô tướng không đắm trước nên tức là tịch diệt Niết-bàn. Do vậy nên trong pháp Đại thừa tuy nói hết thấy pháp không sanh không diệt, nhất tướng, ấy là vô tướng. Vô tướng tức là tịch diệt Niết-bàn. Niệm Pháp tam-muội ấy duyên trí duyên tận (tức duyên trạch diệt vô vi Niết-bàn – N.D) và công đức các vị Bồ-tát, Bích-chi Phật.

Hỏi: Cớ sao niệm Phật chỉ duyên đến các công đức vô lậu trong thân Phật? Niệm Tăng tam-muội chỉ duyên đến các pháp lậu và vô lậu trong thân các đệ tử Phật? Còn các pháp thiện vô lậu khác đều là sở duyên của Niệm pháp tam-muội?

Đáp: Đó là Ca-chiên-diên-ni-tử nói như vậy. Còn người Đại thừa thì nói: Ba đời mười phương Phật và chư Phật từ sơ phát tâm cho đến pháp cùng tận, ở khoảng trung gian ấy làm công đức thần lực gì đều là sở duyên của Niệm Phật tam-muội. Như pháp giáo và pháp nghĩa của Phật dạy, từ một câu một kệ, cho đến bốn mươi tám ngàn pháp tụ tín, giới, xả, nghe, định, tuệ... các thiện pháp, cho đến Vô dư Niết-bàn, đều là sở duyên của Niệm pháp tam-muội. Các Bồ-tát, Bích-chi Phật, và chúng Thanh văn, trừ Phật, hết thấy thánh chúng và các công đức đều là sở duyên của Niệm Tăng tam-muội.

Niệm Tăng: Chúng đệ tử của Phật đầy đủ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, có bốn đôi tám bậc, xứng đáng thọ sự cúng dường kính lễ của trời, người, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Hành giả nên niệm đến Tăng như lời Phật tán thán. Hoặc Thanh văn Tăng, hoặc Bích-chi Phật Tăng, hoặc công đức Bồ-tát Tăng, các thánh Tăng ấy đầy đủ năm uẩn như trên đã nói.

Hỏi: Đoạn trước lấy năm uẩn tán thán Phật, sao lại còn lấy năm uẩn tán thán Tăng?

Đáp: Tùy chỗ các đệ tử được năm uẩn mà tán thán là đầy đủ. Đầy đủ có hai: 1. Thật đầy đủ. 2. Đầy đủ trên danh nghĩa. Như đối đệ tử được hết những điều đáng được mà tán thán, ấy là đầy đủ trên danh, còn tán thán những điều Phật thành tựu, ấy là đầy đủ thật.

Lại nữa, vì muốn để khác với chúng xuất gia, tại gia của ngoại đạo, nên tán thán như vậy. Chúng tại gia ngoại đạo thì tán thán họ giàu sang hào quý, thế lực, còn chúng xuất gia thì tán thán họ tà kiến khổ hạnh, nhiễm đắm trí tuệ, chấp luận cạnh tranh. Niệm trong Tăng chúng hoặc có người trì giới, thiền định, trí tuệ... ít không đủ kể, do đó nên Phật tự tán thán chúng đệ tử có hết thấy công đức căn bản trú xứ, giới uẩn đầy đủ, cho đến giải thoát tri kiến uẩn đầy đủ. Trụ trong giới uẩn ấy không khuynh động, dương cung thiền định, phóng mũi tên trí tuệ, phá giặc phiền não, được giải thoát. Ở trong giải thoát ấy phát sanh thấy biết, ví như người mạnh, trước tiên chân đứng vững, rồi dương cung phóng tên phá kẻ oán địch, được ra khỏi hai sợ là khỏi tội với vua, và khỏi bị nạn giữa trận; biết thấy rõ chắc giặc đã bị phá diệt, tâm sanh hoan hỷ, do vậy nên nêu năm uẩn để tán thán.

Xứng đáng cúng dường: Công đức năm uẩn đầy đủ cũng giống như người giàu sang, hào thế được người tôn kính. Chúng đệ tử của Phật cũng như vậy, có tịnh giới, thiền định, trí tuệ, giàu sang giải thoát, thế lực giải thoát tri kiến, xứng đáng được cúng dường tôn kính, chấp tay lễ bái.

Làm ruộng phước vô thượng của thế gian: Thí chủ có hai hạng nghèo và giàu. Người nghèo thì lễ bái, cung kính, đưa đón mà được quả báo. Người giàu cũng có thể cung kính lễ bái, đưa đón, lại còn đem tài vật cúng dường mà được quả báo. Do vậy nên gọi là ruộng phước vô thượng của thế gian, ví như ruộng tốt, cày bừa thuần thực, đúng thời gieo giống, tưới tắm đầy đủ, thì thu hoạch chắc nhiều. Ruộng phước chúng Tăng cũng như vậy, dùng trâu trí tuệ cày, nhổ gốc kiết sử, đem Bốn vô lượng tâm sửa trị điều hòa thuần thực, các đàn-việt gieo hạt giống lúa tín thí và rưới bằng nước tâm thanh tịnh, niệm thí cung kính, thì hoặc đời nay

hoặc đời sau được vô lượng cái vui thế gian, lại được quả vị tam thừa. Như Tỳ-kheo Bạt-câu-la, vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi, đem một quả Hả-lê-lặc cúng dường chúng Tăng, mà chín mươi mốt kiếp được sanh lên cõi trời, khi ở loài người thì thọ quả báo phước lạc, thường không bệnh tật, đời này gặp đức Phật Thích-ca Mâu-ni, xuất gia dứt hết lậu hoặc, thành A-la-hán. Như Sa-môn Nhi-thập-ức trong thời đức Phật Tỳ-bà-thi, dựng một phòng xá, lấy vật lấp đất, để cúng dường chúng Tăng, mà chín mươi mốt kiếp được sanh cõi trời và ở cõi người thọ quả báo phước vui, chân không dính đất, lúc sanh ra dưới chân có lông dài hai tấc, mềm mại sạch đẹp, phụ thân thấy hoan hỷ, cho hai chục ức lượng vàng, thấy Phật nghe Pháp, thành A-la-hán, là bậc tinh tấn đệ nhất trong hàng đệ tử Phật.

Như vậy là bố thí ít mà được quả báo lớn, thế nên gọi là phước điền vô thượng của thế gian.

Tăng có bốn đời tám bậc: Phật sở dĩ nói phước điền vô thượng của thế gian là vì có tám bậc thánh nhân này nên gọi là ruộng phước vô thượng.

Hỏi: Như Phật bảo cư sĩ Cấp-cô-độc: Phước điền đáng cúng dường của thế gian có hai hạng là hoặc học nhân hoặc vô học nhân. Học nhân có mười tám, vô học nhân có chín, nay tại sao chỉ nói có tám bậc? (Học nhân mười tám là tùy tín hành, tùy pháp hành, tín giải thoát, kiến đắc, thân chứng, gia gia, nhất chủng tử, hưởng sơ quả, đắc sơ quả, hưởng nhị quả, đắc nhị quả, hưởng tam quả, đắc tam quả, trung ban, sanh ban, hành ban, bất hành ban, thượng lưu ban. Vô học nhân chín là thối pháp A-la-hán, tư pháp A-la-hán, hối pháp A-la-hán, trú pháp A-la-hán, tiến A-la-hán, bất động A-la-hán, bất thối A-la-hán, tuệ giải thoát A-la-hán, câu giải thoát A-la-hán – N.D).

Đáp: Kia nói rộng nên có mười tám và chín. Đây nói lược nên chỉ tám. Hai mươi bảy thánh nhân kia đều nhiếp vào trong tám bậc này. Hàng tín hành và pháp hành thì hoặc nhiếp vào hưởng Tu-đà-hoàn, hoặc nhiếp vào hưởng Tư-đà-hàm, hoặc hưởng A-na-hàm, hàng gia gia nhiếp vào hưởng Tư-đà-hàm, hàng nhất chủng nhiếp vào hưởng A-na-hàm, hàng ngũ A-na-hàm nhiếp vào hưởng A-la-hán. Hàng tín hành và pháp hành khi nhập vào tư duy đạo (tu đạo) thì gọi là tín giải thoát, kiến đắc tín giải thoát. Kiến đắc này nhiếp vào trong mười lăm học nhân. Chín thứ phước điền thì nhiếp vào A-la-hán.

Lại nữa, hành giả nên niệm Tăng. Tăng là người bạn chân thật đưa ta đến Niết-bàn, một giới một kiến như vậy nên hoan hỷ, nhất tâm cung kính, thuận theo không trái. Người bạn trước kia của ta có các thứ ác, vợ

con, nô tỳ, nhân dân... là bạn đưa ta vào ba ác đạo, nay được bạn thánh nhân, đưa ta an ổn đến Niết-bàn.

Phật như y vương, Pháp như thuốc hay, Tăng như người chăm sóc bệnh, ta nên trì giới thanh tịnh, chánh ức niệm, như Pháp được của Phật dạy, ta hãy thuận theo.

Tăng là nhân duyên bậc nhất giúp ta dứt các kiết sử, đây là người chăm sóc bệnh, do vậy nên niệm Tăng.

Lại nữa, Tăng có vô lượng giới, thiền định, trí tuệ... đầy đủ, đức của Tăng không thể trắc lường. Như một Trưởng giả giàu sang tin niệm Tăng, nói với vị Tăng chấp sự rằng: “Tôi thứ lớp mời Tăng đến nhà thọ thực, cứ mỗi ngày lần lượt mời cho đến Sa-di.” Nhưng vị Tăng chấp sự không cho Sa-di thọ thỉnh, các Sa-di nói: “Vì ý gì không cho Sa-di?” Đáp: “Vì đàn-việt không ưa thỉnh người niên thiếu, bèn nói kệ:

*Tóc râu bạc như tuyết,
Răng rụng da thịt nhăn,
Đi khom, hình thể gầy,
Ưa mời người như vậy.*

Các Sa-di đều là bậc A-la-hán, như đánh đầu sư tử, bỗng nhiên từ chỗ ngồi đứng dậy nói kệ:

*Người đàn-việt vô trí,
Thấy hình không chuộng đức,
Bỏ tướng niên thiếu này,
Chỉ chuộng già gầy đen.*

Bậc thượng tôn lớn tuổi như Phật dạy kệ:

*Gọi là tướng Trưởng lão,
Không hẳn vì tuổi tác,
Hình gầy tóc râu bạc,
Già suông, trong không đức,
Bỏ được quả tội phước,
Tinh tấn tu phạm hạnh,
Đã lìa hết thầy pháp,
Ấy gọi là Trưởng lão.*

Khi ấy, các Sa-di lại suy nghĩ: Chúng ta không nên ngồi xem vị đàn-việt này lượng phẩm Tăng tốt, xấu, liền lại nói kệ rằng:

*Đối với sự khen chê,
Tâm chúng ta tuy một,
Người ấy hủy Phật pháp,
Không thể không răn dạy,*

*Nên đến gấp nhà kia,
 Dem lời pháp dạy bảo,
 Chúng ta không độ được,
 Ấy là vật bỏ đi.*

Tức thời các Sa-di tự biến thân mình thành Trưởng lão, tóc râu trắng như tuyết, mày đẹp phủ xuống mắt, da nhăn như làn sóng, lưng còm như cây cung, hai tay chống gậy đi, thứ lớp đi thọ thỉnh, cả thân đều run rẩy, đi đứng không an ổn, giống như cây bạch dương, theo gió mà rung chuyển. Đàn-việt thấy hạng đó, hoan hỷ rước vào ngồi, ngồi xong trong chốc lát, trở lại hình niên thiếu, đàn-việt sợ hãi nói:

*Tướng già lão như vậy,
 Lại biến thành thân trẻ,
 Như uống thuốc hoàn đồng,
 Việc ấy do sao vậy?*

Các Sa-di nói: Người chớ sanh nghi sợ, chúng ta chẳng phải hàng phi nhân, người muốn bình lượng Tăng, việc ấy rất đáng thương! Chúng ta vì thương xót nên hóa hiện ra như vậy, người nên biết cho kỹ, Thánh chúng không thể lường, như nói:

*Như lấy vôi con muỗi,
 Còn có thể lường biển,
 Hết thầy Trời và người,
 Không thể lường được Tăng,
 Tăng quý do công đức,
 Còn không phân biệt được,
 Mà người dùng tuổi tác,
 Cân lường các Đại đức!
 Lớn nhỏ sanh nơi trí,
 Không ở nơi già trẻ,
 Có trí, siêng tinh tấn,
 Tuy trẻ mà là già,
 Biếng nhác, không trí tuệ,
 Tuy già mà là trẻ.*

Nay người, bình lượng Tăng, ấy là có lỗi lớn, không khác nào lấy một ngón tay muốn lường biết biển cả, bị người trí chê cười. Người không nghe Phật dạy bốn việc tuy nhỏ mà không thể khinh: thái tử tuy nhỏ, mà sẽ làm vua, nên không thể khinh; rắn con tuy nhỏ, mà độc làm chết người, cũng không thể khinh; đóm lửa tuy nhỏ, có thể đốt cháy núi đồng, lại không thể khinh; Sa-di tuy nhỏ, mà được thần thông bậc thánh

càng không thể khinh.

Lại có bốn hạng người: như trái am-la (xoài) sống mà như chín, chín mà như sống, sống mà như sống, chín mà như chín. Đệ tử Phật cũng như vậy, có vị thành tựu công đức bậc Thánh, mà oai nghi, ngôn ngữ không giống người lành; có vị oai nghi, ngôn ngữ giống người lành mà công đức bậc thánh không thành tựu; có vị oai nghi, ngôn ngữ không giống người lành mà công đức bậc thánh chưa thành tựu; có vị oai nghi, ngôn ngữ giống như người lành mà công đức bậc thánh thành tựu.

Sao người không nhớ những lời ấy, mà muốn cân lường Tăng. Người nếu muốn hủy Tăng, thì chỉ là tự hủy và người bị lỗi lớn. Việc đã qua không thể kéo lại, thiện tâm vừa sanh đến, có thể trừ bỏ nghi hối, hãy nghe ta nói:

*Thánh chúng, không thể lường,
 Khó biết qua oai nghi,
 Không thể đem dòng họ,
 Cũng không do đa văn,
 Cũng không do uy đức,
 Lại không do tuổi tác,
 Không do dáng nghiêm trang,
 Lại không do biện thuyết,
 Thánh chúng nước biển cả,
 Công đức rất thâm sâu.
 Phật lấy trăm việc khen ngợi Tăng,
 Thí cho tuy ít được quả nhiều,
 Ngồi báu thứ ba tiếng nghe xa,
 Do vậy hãy nên cúng dường Tăng,
 Không nên phân biệt ai già trẻ,
 Biết nhiều, nghe ít, sáng hay tối,
 Như người xem rừng không phân biệt,
 Y-lan, Chiêm-bạc, và Tát-la.
 Người muốn niệm Tăng, nên như vậy,
 Không nên lấy ngu phân biệt thánh,
 Lúc Ma-ha Ca-diếp xuất gia,
 Nạp y giá trị mười vạn vàng,
 Muốn làm người hạ tiện xin ăn,
 Lại cầu thô tẻ mà chẳng được,
 Đối thánh chúng Tăng cũng như vậy,
 Tìm cầu phước điền tối hạ tiểu,*

*Hãy dạy người thí gấp mười vạn,
Lại cầu chẳng bằng, không thể được.
Trong biển lớn Tăng chúng,
Kiết giới là bờ mé,
Nếu có người phá giới,
Trọn không ở Tăng số,
Ví như nước biển lớn,
Không dung chứa tử thi.*

Đàn-việt nghe việc ấy, thấy rõ sức thần thông, sợ hãi dựng lông, chấp tay thưa các Sa-di rằng: Các bậc Thánh! Tôi nay sám hối, tôi là kẻ phạm phu, tâm thường có tội hoài nghi, tôi có chút ngờ, nay muốn xin hỏi; rồi nói kệ rằng:

*Đại đức! Đã quá nghi,
Tôi nay được gặp gỡ,
Nếu lại không thưa hỏi,
Thời là ngu trong ngu.*

Các Sa-di nói: Người muốn hỏi thì hỏi, ta sẽ đáp như điều đã nghe.

Đàn-việt hỏi rằng: Đối với Phật bảo có tín tâm thanh tịnh, đối với Tăng bảo có tín tâm thanh tịnh, phước nào hơn? Đáp: Chúng ta vốn không thấy Tăng bảo, Phật bảo có hơn thua, vì có một lần Phật khát thực tại thành Xá-bà-đề, có người Bà-la-môn tên Bà-la-đỏa-thệ, Phật thường thường đến nhà ấy khát thực, Bà-la-môn nghĩ rằng: “Sao Sa-môn này đến hoài, như ta nợ ông ấy?” Khi ấy Phật nói kệ:

*Thường thường mưa đúng thời,
Ngũ cốc thường thường thành,
Thường thường tu phước nghiệp,
Thường thường thọ quả báo,
Vì thường thường thọ sanh,
Nên thường thường thọ tử,
Chánh pháp thường thường thành,
Ai thường thường sanh tử.*

Bà-la-môn nghe kệ ấy xong, nghĩ rằng: “Phật bậc đại Thánh, biết rõ tâm ta,” hổ thẹn lấy bình bát của Phật đem vào nhà đựng đầy thức ăn ngon, mà dâng cho Phật, Phật không nhận mà nói rằng: “Ta vì nói kệ nên được thức ăn này, Ta không ăn.” Bà-la-môn nói: “Vậy thức ăn này nên cho ai?”

Phật dạy: “Ta không thấy Trời hay người có thể tiêu hóa được thức

ăn này, người hãy đem đi để chỗ đất ít cỏ hoặc trong nước không có trùng.”

Ông liền theo lời Phật dạy, đem thức ăn để vào trong nước không có trùng, nước liền sôi lớn, khói lửa bay ra, như ném cục sắt nóng to.

Bà-la-môn thấy vậy sợ hãi nói: “Chưa từng có vậy, cho đến đối với thức ăn mà có thần lực như vậy.”

Trở lại chỗ Phật, lễ dưới chân Phật sám hối, xin xuất gia thọ giới.

Phật dạy: Thiện lai! Tức thời râu tóc tự rụng, bèn thành Sa-môn, dần dần dứt kiết sử, chứng được A-la-hán đạo.

Lại có bà Ma-ha Kiều-đàm-di đem y báu kim sắc thượng hạ cúng Phật, Phật biến chúng Tăng có thể thọ dụng, mới nói Kiều-đàm-di đem y thượng hạ ấy cúng cho chúng Tăng. Do vậy biết Phật bảo, Tăng bảo phước như nhau không nhiều hay ít.

Đàn-việt hỏi: Nếu bố thí cho Phật, Tăng có thể thọ nhận và tiêu hóa được, cơ sở thức ăn của Bà-la-môn Bà-la-đỏa-thệ, Phật không dạy khiến Tăng ăn?

Các Sa-di đáp: Vì để hiển bày Tăng có đại lực vậy. Nếu không thấy thức ăn bỏ vào nước có đại thần lực thì không do đâu biết Tăng lực là lớn. Nếu vật thí cho Phật mà Tăng được thọ dụng liền biết Tăng lực là lớn. Thí như thầy thuốc muốn thử thuốc độc, trước đem cho gà ăn, gà liền bị chết, vậy sau tự uống mới biết uy lực của thuốc là lớn. Thế nên đàn-việt nên biết:

*Nếu ai ái kính Phật,
Cũng nên ái kính Tăng,
Không nên có phân biệt,
Vi đồng là báu vậy.*

Bấy giờ, đàn-việt nghe nói sự ấy, vui vẻ nói: Tôi từ ngày nay, nếu có ai nhập vào Tăng số hoặc nhỏ hoặc lớn, tôi đều nhất tâm tín kính, không dám phân biệt.

Các Sa-di nói: Tâm người kính tín phước điền vô thượng, thì không bao lâu sẽ đắc đạo. Vì cơ sở sao?

*Người đa văn, trì giới,
Trí tuệ và thiền định,
Đều nhập vào Tăng số,
Như muôn sông về biển,
Thí như các cỏ thuốc,
Nương tựa nơi núi tuyết,
Cỏ cây, trăm giống lúa,*

*Đều nương tựa nơi đất,
Hết thấy các người lành,
Đều ở trong Tăng số.*

Lại nữa, các người từng nghe Phật vì Trường quý thần tướng quân mà tán thán ba thiện nam tử là A-nê-lô-đà, Nan-đề, Ca-sí-di-la chăng?

Phật dạy: Nếu hết thấy Trời và người trong thế gian nhất tâm niệm đến ba thiện nam tử, thì được vô lượng lợi ích lâu dài. Do việc như vậy, hãy tín kính Tăng gấp bội, ba người ấy không gọi là Tăng mà Phật dạy niệm đến ba người còn có quả báo như vậy, hướng gì nhất tâm thanh tịnh niệm đến Tăng. Thế nên đàn-việt nên dốc sức niệm Tăng. Tăng danh như kệ nói:

*Chúng các Thánh nhân ấy,
Là đội quân hùng mãnh,
Tồi diệt giặc ma vương,
Là bạn đến Niết-bàn.*

Các Sa-di dùng đủ cách vì đàn-việt nói các Thánh công đức của Tăng. Đàn-việt nghe xong, cả nhà lớn nhỏ, đều thấy lý Tứ đế, được Tu-đà-hoàn đạo.

Do nhân duyên như vậy, hãy nên nhất tâm niệm Tăng.

Niệm giới: Giới có hai thứ là hữu lậu giới và vô lậu giới. Hữu lậu giới lại có hai là luật nghi giới và định cộng giới. Hành giả sơ học, niệm đến ba thứ giới ấy, khi học ba thứ xong, chỉ niệm đến vô lậu giới. Luật nghi giới ấy hay làm cho các điều ác không được tự tại, khô mục gãy mòn. Thiền định giới hay ngăn ngừa các phiền não. Vì cố sao? Vì được nội lạc, nên không cầu đến cái vui thế gian. Vô lậu giới hay nhổ gốc rễ các ác phiền não.

Hỏi: Làm sao niệm giới?

Đáp: Như nói trong đoạn Niệm Tăng. Phật như vị lương y, Pháp như thuốc hay, Tăng như người xem bệnh. Giới như uống thuốc cấm kỵ. Hành giả tự nghĩ: Nếu ta không tuân theo cấm kỵ, thì Tam bảo đối với ta không có ích gì. Lại như đạo sư chỉ bày con đường tốt, hành giả không theo, vị đạo sư không có lỗi. Do vậy, ta nên niệm giới.

Lại nữa, giới là trú xứ của hết thấy thiện pháp, ví như cây cỏ trăm giống lúa nương đất mà sinh. Trì giới thanh tịnh, thì hay sanh trưởng các thiền định sâu xa và trí tuệ biết thật tướng, cũng là cửa ban đầu của người xuất gia, chỗ nương cậy của hết thấy người xuất gia, là nhân duyên ban đầu đưa đến Niết-bàn. Như nói do trì giới mà tâm không hối hận, cho đến được Niết-bàn giải thoát. Hành giả niệm giới thanh tịnh,

giới không khuyết, giới không phá, giới không lủng, giới không tạp, giới tự tại, giới không nhiễm trước, giới được người trí khen ngợi, không có các tội vết kẻ hở, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là giới không khuyết? Trong giới của năm chúng xuất gia, trừ phạm bốn giới trọng, phạm các giới trọng khác gọi là khuyết, phạm các tội khác gọi là phá.

Lại nữa, tội nơi thân gọi là khuyết, tội nơi miệng gọi là phá.

Lại nữa, đại tội gọi là khuyết, tiểu tội gọi là phá. Thiện tâm hồi hướng Niết-bàn, không để cho các kiết sử ác giác quán xen vào, ấy gọi là không lủng.

Vì Niết-bàn, vì thế gian, thọ giới vì hướng vào cả hai nơi ấy, gọi là tạp.

Theo giới không theo ngoại duyên, như người tự tại, không bị hệ thuộc, trì tịnh giới ấy không bị ái câu thúc ấy là giới tự tại.

Đối với giới không sanh các kiết sử tham ái kiêu mạn, biết thật tướng giới, cũng không chấp thủ giới ấy. Nếu chấp thủ giới ấy, ví như người ở ngục tù bị cùm xiềng câu thúc, tuy mong được tha mà lại bị khóa vàng trói ngăn. Người bị ân ái trói buộc, như ở lao ngục, tuy được xuất gia lại ưa đắm trước cấm giới, như vương khóa vàng. Hành giả nên biết giới là nhân duyên vô lậu mà không ưa đắm thì được giải thoát, không bị trói buộc; ấy gọi là không nhiễm trước giới.

Giới được chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-Phật và Thanh văn khen ngợi, nếu thực hành giới ấy, dùng giới ấy, ấy gọi là giới được người trí khen ngợi.

Giới ngoại đạo là giới trâu, giới nai, giới chó, giới quỷ La-sát, giới cầm, giới điếc, các giới như vậy, người trí không khen ngợi, luống chịu khổ không có thiện báo.

Lại nữa, được người trí khen ngợi là, trong ba thứ giới, vô lậu giới là không bị phá, không bị hoại, nương giới đó, được trí tuệ thật, ấy là giới được bậc thánh khen ngợi.

Vô lậu giới có ba, như Phật nói chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Nghĩa của ba nghiệp ấy như ở đoạn tám thánh đạo có nói rộng.

Hỏi: Nếu trì giới là nhân duyên của thiền định, thiền định là nhân duyên của trí tuệ, tại sao trong Tám chánh đạo, tuệ được nói trước, giới ở giữa, định ở sau?

Đáp: Phép tắc đi đường, trước phải do mắt thấy đường rồi sau mới đi. Trong khi đi hãy siêng năng, khi đang siêng năng đi, thường nhớ đến lời đạo sư dạy, nhớ rồi nhất tâm thẳng đường đi tới, không theo đường

quấy. Chánh kiến cũng như vậy, trước lấy chánh trí tuệ quán năm thọ uẩn đều khổ, ấy gọi là khổ; khổ từ các kiết sử ái... hòa hợp sanh, ấy là tập; kiết sử ái... diệt sạch, ấy là Niết bàn; như vậy quán tám phần, gọi là đạo, ấy gọi là chánh kiến. Hành giả trong lúc ấy, tâm định biết thế gian hư vọng đáng xả bỏ, Niết-bàn thật pháp đáng thủ chứng. Quyết định việc ấy, ấy gọi là chánh kiến. Biết thấy việc ấy, mà tâm lực chưa lớn, chưa thể phát ra hành động, suy nghĩ trừ lượng, phát động chánh kiến, khiến cho đắc lực, ấy gọi là chánh tư duy. Trí tuệ đã phát, muốn dùng lời nói ra nên tiếp theo có giới chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Trong lúc thật hành tinh tấn không giải đãi, không để cho trú trong định sắc vô sắc, ấy gọi là chánh phương tiện. Dùng chánh kiến ấy quán Bốn đế, thường nhớ không quên, nhớ hết thấy phiền não là giặc, phải nên bỏ, còn chánh kiến... là bạn chân chánh của ta, phải nên theo, ấy gọi là chánh niệm. Đối với pháp Tứ đế, nhiếp tâm không tán loạn, không cho hướng đến định sắc vô sắc mà nhất tâm hướng đến Niết-bàn, ấy gọi là chánh định. Ấy là ban đầu được thiện hữu lậu, gọi là nghĩa trong noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp. Thứ lớp tăng tấn, sơ tâm, trung tâm, hậu tâm vào tâm vô lậu mau chóng, trong một tâm đầy đủ, không còn phân biệt thứ lớp trước sau.

Ba giới chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng hành theo năm phần là chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Chánh kiến thì lo việc phân biệt tốt xấu, lợi ích; chánh tư duy thì lo việc phát động chánh kiến; chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thì giữ gìn các công đức trí tuệ không để cho tán mất; chánh phương tiện thì thúc dục khiến tiến mau không ngừng nghỉ; chánh niệm thì nhớ bầy việc đáng làm kia, (bầy chánh kia) không quên; chánh định thì làm cho tâm thanh tịnh không nhớ không loạn, khiến bầy phần, là chánh kiến, chánh tư duy... được thành. Ví như ngọn đèn ở trong phòng không gió, thời chiếu sáng rõ ràng. Như vậy, vô lậu giới ở trong Tám thánh đạo, cũng được bậc trí khen.

Hỏi: Vô lậu giới đáng được bậc trí khen ngợi, còn hữu lậu giới mà khen thế nào?

Đáp: Hữu lậu giới tương tự vô lậu, theo nhân duyên đồng hành với vô lậu nên được bậc trí khen. Ví như trong đám giặc có người làm phản mà về với ta, kia tuy là giặc, mà nay hướng đến ta, ta hãy nạp lấy, thì có thể phá giặc, sao không niệm được! Các giặc phiền não ở trong thành ba cõi, các thiện căn hữu lậu giới hoặc noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp,

thế đệ nhất pháp, khác với các pháp hữu lậu khác nên hành giả thọ dụng, do vậy mà phá được các giặc kiết sử, được pháp tài vô lậu khổ pháp nhãn, nên được bậc trí khen; ấy gọi là niệm giới.

Niệm xả: Có hai thứ xả: 1. Xả thí, 2. Xả các phiền não.

Xả thí có hai: 1. Tài thí. 2. Pháp thí.

Ba thứ xả hòa hợp gọi là xả. Tài thí là gốc rễ của hết thảy thiện pháp, nên hành giả suy nghĩ: Do bốn niệm trên nên được lành bệnh phiền não, vậy nay do gì mà được bốn niệm ấy? Ấy là do đời trước, đời này đối với Tam bảo có phần bố thí. Vì cớ sao? Vì chúng sanh trong thế gian từ vô thủy đối với Tam bảo không biết bố thí, phước bị dứt sạch. Tam bảo có vô lượng pháp, cho nên thí cũng không cùng tận, chắc chắn đạt đến Niết-bàn.

Lại nữa, chư Phật quá khứ, khi mới phát tâm đều lấy việc bố thí ít nhiều làm nhân duyên, như Phật dạy: Bố thí là nhân duyên trợ đạo bước đầu.

Lại nữa, mạng người vô thường, tài vật như điện chớp, nếu người không xin, còn nên đem cho, huống xin mà không cho. Lấy việc đáng bố thí đó làm nhân duyên giúp đạo.

Lại nữa, tài vật là nhân duyên sanh ra các phiền não tội nghiệp; nếu tu các thiện pháp trì giới, thiền định, trí tuệ, thì đó là nhân duyên đắc Niết-bàn. Do vậy tài vật thường nên tự bỏ, huống đối với ruộng phước tốt mà không bố thí. Ví như có hai anh em, mỗi người gánh mười cân vàng đi giữa đường, không có bè bạn. Người anh thầm nghĩ: “Sao không giết em mà lấy vàng, giữa đồng trống này không ai biết.” Người em cũng thầm nghĩ muốn giết anh để lấy vàng. Anh em đều có ác tâm, cách nói năng nhìn ngó nhau đều đối khác, anh em liền tự tĩn ngộ, trở lại sanh tâm hối hận: “Chúng ta chẳng phải người, có khác gì cầm thú, anh em đồng cha mẹ sanh, sao lại vì một ít vàng mà sanh tâm ác?” Anh em cùng đi đến chỗ nước sâu, người anh lấy vàng quăng xuống nước. Người em nói: “Lành thay, lành thay!” Người em liền cũng quăng vàng xuống nước. Người anh cũng nói: “Lành thay, lành thay!” Anh em hỏi nhau: “Vì sao nói lành thay, lành thay!” Đáp: chúng ta vì vàng này sanh tâm bất thiện muốn làm hại nhau, nay bỏ nó được, cho nên nói lành thay.” Cả hai lời đều như vậy. Do đó nên biết tài vật là nhân duyên sanh ác tâm, hãy nên tự bỏ, huống gì bố thí thì được phước lớn mà không bố thí, như kệ nói:

Thí là kho báu đi (theo),

Cũng là bạn thân thiện,

Thỉ chung lợi ích nhau,
 Không ai phá hoại được.
 Thí là lọng dày tốt,
 Hay che mưa đói khát,
 Thí là thuyền bền chắc,
 Hay qua biển nghèo cùng.
 Lẫn là tướng hung suy,
 Vì nó sanh lo sợ,
 Rửa nó bằng nước thí,
 Thời là sanh phước lợi.
 Lẫn tiếc, không áo cơm,
 Trọn đời không hoan lạc,
 Tuy rằng có tài vật,
 Không khác kẻ nghèo khổ,
 Nhà của người keo kiệt,
 Không khác gì mồ mã,
 Người cầu xin tránh xa,
 Trọn không ai bước tới,
 Người xan tham như vậy,
 Bị người trí vứt bỏ.
 Mạng khí tuy chưa chết,
 Mà không khác người chết,
 Người lẫn, không phước tuệ,
 Không hứa chắc bố thí,
 Khi sắp rơi hãm chết,
 Luyến tiếc sanh não hận,
 Khóc lóc đi một mình,
 Lửa ưu hối đốt thân,
 Người ưa thí an vui,
 Trọn không bị khổ ấy,
 Người tu hạnh bố thí,
 Tiếng tăm khắp mười phương,
 Được người trí yêu kính,
 Vào giữa chúng không sợ,
 Mạng chung sanh lên trời,
 Lâu chắc được Niết-bàn.

Các cách mạng xan tham, khen bố thí như vậy, ấy gọi là niệm tài thí.

Thế nào là niệm Pháp thí?

Hành giả suy nghĩ như vậy: Pháp thí có lợi ích rất lớn, do Pháp thí nên các đệ tử Phật đắc đạo. Lại nữa, Phật nói trong hai lối thí, Pháp thí là bậc nhất. Vì sao? Vì quả báo tài thí có hạn lượng, quả báo Pháp thí không hạn lượng. Tài thí được quả báo trong cõi dục, Pháp thí được quả báo trong ba cõi, cũng được quả báo ra ngoài ba cõi. Nếu không cầu tiếng tăm, tài lợi, thế lực mà chỉ vì học Phật đạo, mở rộng tâm đại từ bi, độ chúng sanh khỏi khổ già, bệnh, chết, ấy gọi là Pháp thí thanh tịnh. Nếu không được như vậy, thì việc bố thí chỉ như cách đổi chát ở chợ.

Lại nữa, tài thí đem thí nhiều thì tài vật bị giảm ít, còn Pháp thí, càng thí nhiều thì Pháp càng tăng thêm. Tài thí là pháp cũ có sẵn trong vô lượng đời, còn Pháp thí là khi có thánh pháp mới bắt đầu xuất hiện, khó được, nên gọi là Pháp mới. Tài thí chỉ cứu được các bệnh đói, khát, lạnh, nóng... còn Pháp thí trừ được chín mươi tám bệnh phiền não. Các nhân duyên như vậy, phân biệt Tài thí, Pháp thí, hành giả hãy nên niệm Pháp thí.

Hỏi: Thế nào là Pháp thí?

Đáp: Phật dạy mười hai bộ loại kinh, với tâm thanh tịnh vì phước đức nói cho người khác nghe, ấy gọi là Pháp thí.

Lại dùng sức thần thông làm cho người đắc đạo, cũng gọi là Pháp thí. Như trong kinh Vãng Minh Bồ-Tát nói: có người do thấy ánh sáng của Phật mà đắc đạo hoặc sanh lên trời. Như vậy tuy miệng không nói khiến người nghe được Phật pháp, mà cũng gọi là Pháp thí. Pháp thí thì nên quán xét tâm tánh chúng sanh phiền não nhiều hay ít, trí tuệ lợi hay độn, rồi tùy chỗ lợi ích mà nói Pháp cho họ nghe. Ví như tùy bệnh cho uống thuốc thì có ích. Có người dâm dục nặng, có người sân nhuế nặng, có người ngu si nặng, có người đủ hai thứ lẫn lộn, có người đủ cả ba thứ lẫn lộn. Người dâm dục nặng thì nói cho bất tịnh quán, người sân nhuế nặng thì nói cho từ tâm, người ngu si nặng thì nói cho Pháp nhân duyên sâu xa. Người đủ hai thứ lẫn lộn thì nói cho hai Pháp quán, người đủ ba thứ lẫn lộn thì nói cho ba Pháp quán. Nếu người không rõ tướng trạng bệnh mà cho thuốc lầm thì bệnh càng tăng. Nếu người chấp trước tướng chúng sanh thì nói cho họ chỉ có năm uẩn, trong đó không có ngã. Nếu người nói không có tướng chúng sanh thì nói cho họ có năm uẩn tương tục, đừng để họ đọa vào đoạn diệt. Đối với người cầu giàu vui thì nói cho họ bố thí, người muốn sanh lên trời thì nói cho họ trì giới, kẻ nghèo thiếu nhiều ở trong loài người, thì nói cho các việc ở trên trời. Người buồn bực lo sợ ở nhà thì nói cho Pháp xuất gia, người mê đắm tài vật ở nhà thì nói

cho Pháp tu tại gia năm giới, nếu người không vui ở thế gian thì nói cho ba Pháp ấn là vô thường, vô ngã, Niết-bàn. Nương theo Kinh Pháp, tự mình diễn giảng nghĩa lý, ví như nói cho chúng sanh trang nghiêm Pháp thí. Do các thứ lợi ích như vậy, thường niệm Pháp thí.

Xả bỏ phiền não: Dứt trừ hết ba kiết cho đến chín mươi tám sử, ấy gọi là xả bỏ. Niệm tưởng xả bỏ Pháp ấy giống như xả bỏ rắn độc, gông cùm mà được an ổn hoan hỷ.

Lại nữa, niệm tưởng xả bỏ phiền não cũng nhiếp vào trong sự niệm Pháp.

Hỏi: Nếu đã nhiếp vào sự niệm Pháp, sao nay lại còn nói?

Đáp: Xả bỏ các phiền não, Pháp ấy vi diệu khó được, vô thường vô lượng cho nên lại nói riêng.

Lại nữa, niệm Pháp với niệm xả bỏ khác nhau, niệm Pháp là niệm Phật pháp vi diệu, còn niệm xả là niệm các tội ác phiền não, xả bỏ nó là an lạc. Hành tướng riêng biệt ấy là khác. Do các nhân duyên như vậy, hành giả nên niệm xả. Niệm xả là trong khi bắt đầu học thiền trí sợ sanh tăng thượng mạn.

Niệm thiên: Có trời Tứ thiên vương cho đến trời Tha-hóa-tự-tại.

Hỏi: Đệ tử Phật nên nhất tâm niệm Phật và Phật pháp, chứ sao lại niệm Trời?

Đáp: Biết quả báo do nghiệp bố thí được thọ hưởng giàu vui trên Trời, cho nên niệm Trời.

Lại nữa, tám niệm ấy, Phật tự nói nhân duyên. Người niệm Trời thì nên niệm rằng: Có Trời Tứ thiên vương, vị Trời này do năm Pháp thiện nên được sanh trong đó. Tin tội phước, thọ trì giới, nghe thiện pháp, tu bố thí, học trí tuệ, thì ta cũng có năm pháp ấy. Do vậy nên hoan hỷ nói: Trời do năm pháp ấy được sanh chỗ giàu vui, ta cũng có năm pháp ấy, ta muốn sanh kia cũng có thể sanh được, nhưng phước ở cõi trời vô thường, cho nên ta không lãnh. Cho đến Trời Tha-hóa-tự-tại cũng vậy.

Hỏi: Trong ba cõi, Trời thanh tịnh nhiều, cố sao chỉ niệm Trời ở cõi Dục?

Đáp: Trong pháp Thanh văn nói niệm Trời là chỉ trời cõi Dục, còn trong pháp Đại thừa nói niệm Trời là niệm hết thấy trời trong ba cõi. Hành giả khi chưa đắc đạo, hoặc tâm đắm trước năm dục của nhân gian, niệm Phật hay niệm Trời, nếu dứt được dâm dục thì sanh lên hai cõi trên, nếu không dứt được dâm dục thì sanh trong cõi Trời Lục dục, trong đây có dục tế diệu thanh tịnh. Phật tuy không muốn con người sanh trở lại thọ hưởng năm dục, nhưng có chúng sanh không thể vào Niết-bàn,

nên vì hạng chúng sanh ấy mà dạy niệm trời, như con quốc vương đứng ở chỗ cao vút hiểm nguy, không thể cứu hộ, muốn tự nhào xuống đất, vua sai người trải nệm bông dày, rơi thì không chết, lành lặn trong khi rơi xuống đất.

Lại nữa, có bốn loại Trời là Danh thiên, Sanh thiên, Tịnh thiên, Tịnh sanh thiên. Danh thiên là quốc vương gọi là Thiên tử. Sanh thiên là từ Tứ thiên vương cho đến Trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Tịnh thiên là các Thánh nhân trong loài người. Tịnh sanh thiên là các Thánh nhân sanh trong chư thiên ở ba cõi. Đó là Tu-đà-hoàn, Gia-gia (thiên gia-gia, nhân gia-gia) Tư-đà-hàm, Nhất chủng (Nhất lai), hoặc ở trên trời chứng được quả A-na-hàm, A-la-hán. Tịnh sanh thiên ở trong Sắc giới có năm bậc A-na-hàm, không còn trở lại cõi Dục mà ở ngay tại đây chứng được A-la-hán. Ở trong cõi Vô sắc có một bậc A-na-hàm, là cõi Sắc sanh cõi Vô sắc, ở tại đây tu đạo vô lậu, chứng A-la-hán mà vào Niết-bàn. Niệm hai loại trời Sanh thiên và Tịnh sanh thiên như vậy, gọi là niệm thiên.

Niệm hơi thở ra vào: Như trong kinh Thiền nói.

Niệm chết: Có hai cách chết là tự chết và do nhân duyên bên ngoài làm chết. Hai cách chết này hành giả thường nhớ nghĩ; thân này nếu bên ngoài không giết thì chắc chắn nó cũng sẽ tự chết. Như vậy đối với pháp hữu vi không nên sanh tâm tin là không chết, dù trong khoảng gảy móng tay; thân này trong mọi thời đều chết, không đợi già, không nên ý vào cái thân đủ thứ ưu não, hung suy này, sanh tâm mong an ổn không chết, người ngu mới sanh tâm ấy. Bốn đại: đất, nước, gió, lửa trong thân tác hại lẫn nhau, giống như người ôm hòn rắn độc, cứ sao người trí cho là an ổn? Nếu hơi thở ra bảo đảm sẽ thở vào, hơi thở vào bảo đảm sẽ thở ra, ngủ sẽ trở lại thức, đều là việc khó quyết chắc. Vì sao? Vì trong ngoài thân có nhiều oán, như nói:

*Hoặc ở trong thai chết,
Hoặc khi sanh ra chết,
Hoặc khi tuổi lớn chết,
Hoặc khi già đến chết,
Cũng như quả khi chín,
Đủ duyên làm rơi xuống,
Hãy cầu xa lìa khỏi,
Thứ oán tặc chết dữ,
Giặc này khó thể tin,
Bỏ thì được an ổn,
Giả sử người đại trí,*

*Sức oai đức vô thượng,
 Không trước cũng không sau,
 Hiện tại không ai thoát,
 Cũng không từ tạ khéo,
 Hay cầu xin được thoát,
 Cũng không chỗ chống đỡ,
 Có thể được thoát khỏi,
 Cũng chẳng phải giữ giới,
 Tinh tấn mà thoát được,
 Giặc chết không thương xót,
 Khi đến, không chỗ tránh.*

Vậy nên hành giả không nên ở trong thân mạng vô thường mong manh mà tin tưởng mong cầu sống mãi.

Như khi Phật dạy ý nghĩa tướng chết cho các Tỳ-kheo, có một Tỳ-kheo trách vai áo bên phải bạch Phật: Con có thể tu tưởng chết!

Phật dạy: Ông tu thế nào?

Tỳ-kheo thưa: Con không hy vọng sống quá bảy năm.

Phật dạy: Ông là Tỳ-kheo phóng dật tu tưởng chết.

Có một Tỳ-kheo thưa: Con không hy vọng sống quá bảy tháng.

Có Tỳ-kheo thưa: Bảy ngày.

Có vị thưa: Sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngày.

Phật dạy: Các ông đều là Tỳ-kheo phóng dật tu tưởng chết.

Có Tỳ-kheo thưa: Từ sáng đến bữa ăn ngọ.

Có Tỳ-kheo thưa: Trong khoảng một bữa ăn.

Phật dạy: Các ông đều là Tỳ-kheo phóng dật tu tưởng chết.

Một Tỳ-kheo khác chệch vai áo bạch Phật: Con đối với hơi thở ra không mong thở vào, hơi thở vào không mong thở ra.

Phật dạy: Đây mới là Tỳ-kheo không phóng dật, thật tu tưởng chết.

Hết thấy pháp hữu vi, niệm niệm sanh diệt, ngưng trụ rất ngắn giống như huyền thuật, dối gạt kẻ vô trí. Hành giả do các nhân duyên như vậy niệm tưởng chết.

Hỏi: Pháp là Thầy của chư Phật ba đời, có sao niệm Phật trước niệm Pháp? Tám niệm ấy vì sao có thứ lớp?

Đáp: Pháp tuy là Thầy của chư Phật ba đời mười phương, song Phật diễn nói ra Pháp ấy, công đó rất lớn. Ví như núi báu ở trong núi tuyết, trên chóp núi báu có ngọc báu Như ý, có nhiều thứ bảo vật, người muốn leo lên, hoặc chỉ nửa đường trở lui, hoặc gần đến trở lui, có một đại đức

quốc vương thương xót chúng sanh, làm cho cái thang lớn, nhân dân lớn nhỏ cho đến trẻ con bảy tuổi, đều được lên núi, tùy ý lấy ngọc Như ý và các bảo vật. Phật cũng như vậy, núi báu thật tướng các pháp ở thế gian, chín mươi sáu thứ dị đạo đều không thể có được, cho đến Phạm thiên vương cầu thật tướng các pháp cũng không thể được, huống gì các người khác? Phật đem tâm đại từ bi thương xót chúng sanh, đầy đủ sáu Ba-la-mật, được hết thủy phương tiện trí tuệ, thuyết ra mười hai bộ loại kinh, tám mươi bốn ngàn cái thang pháp tụ, nhờ đó các Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, cho đến Sa-di Tô-ma bảy tuổi... đều được các Pháp vô lậu Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám thánh đạo. Thật tướng tuy diệu, mà hết thủy chúng sanh đều phải nhờ ơn Phật mới chứng được. Do vậy nên niệm Phật trước rồi tiếp niệm Pháp, niệm Tăng. Tăng theo lời Phật, hiểu được Pháp cho nên Tăng ở vào thứ ba. Các người khác không thể hiểu, Tăng có thể hiểu được, nên xưng là báu. Báu ở giữa loài người ấy là Phật, báu ở giữa Pháp của chín mươi sáu thứ dị đạo ấy là Phật pháp, báu ở giữa hết thủy hội chúng ấy là Tăng.

Lại nữa, do nơi Phật nên có Pháp xuất hiện thế gian, do nơi Pháp nên có Tăng. Hành giả niệm: Ta làm sao có được Pháp bảo? Chỉ có được từ trong Tăng số. Cần trừ bỏ tất cả nghiệp ác thô tế nơi thân và miệng, cho nên tiếp theo nói về niệm trì giới.

Lại nữa, làm sao để phân biệt bảy chúng? Chỉ có giới mà phân biệt. Muốn trừ tâm ác, phá xan tham nên niệm xả thí. Muốn cho người thọ Pháp được vui nên phá sân nhuế. Tin làm phước được quả báo nên phá tà kiến. Ở trong pháp trì giới, bố thí thì ở trong Mười thiện đạo và là Mười bất thiện đạo. Mười thiện đạo có hai quả: nếu hành Mười thiện bậc thượng thì được sanh trong cõi trời Tịnh thiên. Nếu hành Mười thiện bậc trung thì được Sanh thiên. Do vậy nên tiếp sau giới và thí là niệm thiên. Hành thiên định thì được hai loại trời. Dứt các ác giác, chỉ nhóm thiện pháp, nhiếp tâm một chỗ, cho nên niệm thiên. Tiếp đến niệm hơi thở ra vào, niệm hơi thở ra vào dứt được các ác giác, như mưa ngậm bụi. Thấy hơi thở ra vào, biết thân mong manh. Do hơi thở ra vào mà thân được tồn tại, cho nên tiếp theo niệm hơi thở ra vào là niệm chết.

Lại nữa, hành giả hoặc thời ỷ có bảy niệm rồi đấm công đức ấy, sanh tâm giải đãi, khi ấy nên niệm chết. Việc chết thường ở trước mắt, làm sao giải đãi đấm theo pháp ái ấy. Như Tôn giả A-na-luật nói trong khi Phật diệt độ:

Pháp hữu vi như mây,

*Người trí không nên tin, Kim cang vô
thường đến, Phá núi vua thánh chúa. Ấy là
thứ lớp tám niệm.*

Hỏi: Đó là nói tám niệm trong pháp Thanh văn, với tám niệm của Bồ-tát có gì sai khác?

Đáp: Thanh văn chỉ vì tự thân, còn Bồ-tát thì vì hết thảy chúng sanh. Thanh văn chỉ vì giải thoát già, bệnh, chết, còn Bồ-tát thì vì khắp đầy đủ tất cả công đức, đó là sự sai khác.

Lại nữa, ở trong đây Phật cũng dạy: Xá-lợi-phất! Bồ-tát không trú pháp mà trú trong Bát-nhã Ba-la-mật nên đầy đủ Đàn Ba-la-mật, cho đến đầy đủ tám niệm, vì là không thể có được (bất khả đắc). Ban đầu có không trú pháp, sau có bất khả đắc. Có hai ấn đó do vậy nên khác. Nghĩa không trú và bất khả đắc, như trước đã nói.

